

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 359/2026/DS-PT

Ngày: 22/4/2026

V/v tranh chấp "Yêu cầu hủy  
văn bản khai nhận thừa kế và  
chia thừa kế".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Lê Huy;

Ông Đinh Chí Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:  
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10  
năm 2025 về việc tranh chấp "yêu cầu hủy văn bản khai nhận thừa kế, xác định  
di sản và chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 của  
Toà án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1191/2025/QĐ-PT ngày  
23 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1945.

1.2. Bà Nguyễn Thu C, sinh năm 1943.

1.3. Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là ấp H, xã C, tỉnh  
Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền các nguyên đơn: Ông Bùi Quang N, sinh năm  
1956 (có mặt).

Địa chỉ: số D, tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là số

461C, tổ B, khu D, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là ấp H, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà **Nguyễn Ngọc Á**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: số I, L, khu phố C, phường P, TP B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay là số I, Lê Thành D, Khu phố A, phường B, TP ..

3.2. Bà **Phan Kim T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

3.3. Bà **Nguyễn Ngọc D1**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

3.4. Bà **Nguyễn Thị Thùy D2**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

3.5. Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.6. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là ấp H, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. **Văn phòng C2** (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nay là ấp A, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Thế H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo án sơ thẩm*:

\* *Theo đơn khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/6/2023 và ngày 12/10/2024 các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày*:

- Bà Nguyễn Ánh T2 sinh năm 1957, bà T2 có 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất do bà T2 đứng tên gồm: Thửa số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp H, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

Năm 2020 bà T2 chết không để lại di chúc, bà T2 không có chồng và con, cha mẹ đã chết trước bà T2. Bà T2 có 06 anh chị em ruột là hàng thừa kế thứ 2 của bà T2 gồm:

1. Nguyễn Thị C1;
2. Nguyễn Hữu K;
3. Nguyễn Thị L ( chết năm 1998 trước bà T2);

4. Nguyễn Ngọc S;
5. Nguyễn Thế H;
6. Nguyễn Ngọc Á.

Sau khi bà T2 chết 02 thửa đất trên do ông H quản lý, canh tác và tự khai nhận thừa kế và được cấp giấy chứng nhận 02 thửa đất trên, nhưng không có ý kiến của hàng thừa kế thứ hai của bà T2.

- Nay các nguyên đơn yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế thừa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Xác định 02 thửa đất 467 và 714 là di sản thừa kế bà T2 và yêu cầu chia di sản bà T2 là 02 thửa đất 467 và 714 làm 5 kỷ phần mỗi người 01 kỷ phần.

*\* Theo Tờ tự khai đề ngày 10/11/2023 (BL 63) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thế H trình bày:*

- Cha ông Nguyễn Thành Đ1 (Chết năm 1992), mẹ Lê Thị L1 (Chết năm 2010). Cha mẹ ông có 07 người con, bà Nguyễn Ánh T2 (Chết năm 2020). Bà T2 chết có để lại tài sản là 02 thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà T2 không có chồng con và có 06 anh chị em ruột như lời khai các nguyên đơn là đúng.

Tuy nhiên trước đây bà T2 sống chung với ông và bà bị bệnh phải điều trị nhiều nơi do ông chăm sóc nuôi dưỡng, đất do ông quản lý và hiện ông cũng là người thờ cúng.

Sau khi bà T2 chết ông liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục và được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy 02 thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> cho ông vào năm 2022.

Năm 2023 ông chuyên nhượng thửa đất số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> cho Nguyễn Văn T1 và T1 đã được cấp giấy vào năm 2023.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn.

*\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. *Theo Tờ tự khai đề ngày 23/11/2024 bà Phan Kim T trình bày:*

Bà là vợ của ông H, bà T2 từ trước sống chung và cùng hộ với vợ chồng bà, khi còn sống bà T2 đã giao cho vợ chồng bà quản lý canh tác. Trước khi chết bà T2 bị bệnh nhiều năm do vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện vợ chồng bà thờ cúng.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn.

2. *Theo Tờ tự khai đề ngày 13/12/2024 chị Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Thị Thùy D2 và Nguyễn Thành Đ trình bày:*

- Các anh chị là con ông H, bà T, bà T2 là cô ruột. Khi còn sống bà T2 sống chung nhà cha mẹ là thành viên hộ bà T2 và bà T2 đã đồng ý giao 02 thửa đất cho cha mẹ quản lý canh tác để chăm sóc nuôi dưỡng và thờ cúng bà T2 và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay các anh chị thống nhất với ý kiến cha mẹ, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn.

3. Theo ý kiến bà Nguyễn Ngọc Á tại biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 17/6/2024 bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện các nguyên đơn và không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp, đã căn cứ vào các điều: Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649 và Điều 650, Điều 651 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S;

1.1. Hủy văn bản khai nhận thừa kế của ông Nguyễn Thế H được Văn phòng C2, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2022.

1.2. Xác định thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> tại (ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang) nay là ấp H, xã C, tỉnh Đồng Tháp là di sản bà Nguyễn Ánh T2.

1.3. Buộc ông Nguyễn Thế H chia cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S mỗi người số tiền là 41.621.120 đồng (giá trị thành tiền thửa đất số 714) và chung phần đất diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> là một phần của thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17 diện tích theo giấy được cấp 3.078m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 3.221,4m<sup>2</sup>), hiện do ông H đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CS12295, số DG 416635 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 30/8/2022.

- Phần đất diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> ông H chia cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S có tứ cận sau:

- + Hướng Đông giáp thửa đất số 453 có số đo là 14,598m;
- + Hướng Tây giáp rạch có số đo là 13,788m;
- + Hướng Nam giáp phần đất thửa 468 có số đo 128,54m + HLBV rạch 3,13m;
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 467 của ông H.

(Kèm theo bản photo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và Mảnh trích đo địa chính số 346-2024 ngày 03/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Giao cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S được quyền sở hữu toàn bộ số cây trồng trên phần đất được chia diện tích 1.932,84m<sup>2</sup>.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chung phần đất được chia diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> (là một phần của thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích theo giấy được cấp 3.078m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 3.221,4m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CS12295, số DG 416635 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 30/8/2022 cho ông H).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

\* Ngày 24 tháng 7 năm 2025, bị đơn Nguyễn Thế H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 11/07/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đồng Tháp theo hướng xem xét công sức của ông trong việc quản lý, đầu tư làm tăng giá trị thửa đất; chia cho ông 01 kỷ phần để thờ cúng bà T2.

*Tại phiên tòa:*

- Bị đơn ông Nguyễn Thế H tranh luận: Tôi vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới. Tôi trước đây là người nuôi dưỡng, chăm sóc khi bà T2 bệnh đau, sau khi bà T2 chết tôi là người thờ cúng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia cho tôi thêm một kỷ phần di sản của bà T2 để dùng vào việc thờ cúng cho bà T2.

- Đại diện các nguyên đơn là ông Bùi Quang N tranh luận: Tôi không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông H vì khi bà T2 chết có để lại khoản tiền tiết kiệm hơn 550.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C tỉnh Tiền Giang, số tiền này trước khi bà T2 chết hai ngày đã rút ra hiện do ông H quản lý sử dụng đã được thể hiện qua công văn số 03/NHN0.CB-KTNQ ngày 16 ngày 01 tháng 2026 của Ngân hàng. Ngoài ra, khi bà T2 chết bảo hiểm cũng đã chi tiền mai táng phí và tuất một lần 33.274.100 đồng do ông H là người quản lý sử dụng theo công văn số 14/CV-BHXXH ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở C3. Như vậy số tiền ông H đang quản lý lớn hơn gấp ba lần giá trị một kỷ phần được chia nên việc ông H yêu cầu chia một kỷ phần để dùng vào việc thờ cúng cho bà T2 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với chi phí đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm các

nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Bị đơn ông Nguyễn Thế H là người thờ cúng bà T2 sau khi chết nhưng ông H là người đang quản lý tiền mai táng phí, tiền tuất một lần của bà T2 là 33.274.100 đồng và 550.024.000 đồng tiền tiết kiệm của bà T2, tổng số tiền trên lớn hơn rất nhiều so với một kỹ phần thừa kế của các đồng thừa kế được chia. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về “Hủy văn bản khai nhận thừa kế, xác định di sản thừa kế và chia thừa kế” theo quy định tại các Điều 609 và Điều 649 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 11 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp ban hành bản án dân sự sơ thẩm 05/2025/DS-ST, đến ngày 24 tháng 7 năm 2025, bị đơn Nguyễn Thế H có đơn kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của ông H còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục kháng cáo thông thường.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

[3.1]. Xét thấy, các đương sự Điều thống nhất di sản của bà Nguyễn Ánh T2 để lại là 02 thửa đất số 467 và thửa số 714, hàng thừa kế thứ nhất của bà T2 không có, hàng thừa kế thứ hai của bà T2 gồm các anh chị em ruột của bà là Nguyễn Thị C1; Nguyễn Hữu K; Nguyễn Ngọc S; Nguyễn Thế H và Nguyễn Ngọc Á và bà T2 chết không để lại di chúc. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phân chia di sản của bà T2 theo pháp luật là có căn cứ, được các đương sự thống nhất.

[3.2]. Bị đơn ông Nguyễn Thế H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu sửa án chia cho ông thêm một kỹ phần với lý do ông là người đang trực tiếp thờ cúng bà T2. Xét yêu cầu của ông H nhận thấy, khi bà T2 chết có để lại khoản tiền tiết kiệm 550.024.000 đồng tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C tỉnh Tiền Giang, số tiền này trước khi bà T2 chết hai ngày đã rút ra hiện do ông H quản lý sử dụng đã được Ngân hàng xác nhận qua công văn số 03/NHN0.CB-KTNQ ngày 16/01/2026. Ngoài ra, khi bà T2 chết bảo hiểm cũng đã chi tiền mai táng phí và tuất một lần với số tiền 33.274.100 đồng do ông H là người quản lý sử dụng theo công văn số 14/CV-BHXX ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bảo hiểm xã hội cơ

sở C3. Xác định hai khoản tiền trên cũng là di sản thừa kế của bà T2 để lại và giá trị tương đương một kỹ phần thừa kế được chia. Ông H hiện là người đang quản lý, sử dụng số tiền trên vào việc thờ cúng, các đồng thừa kế đồng ý để ông H tiếp tục quản lý, sử dụng không yêu cầu chia nên việc ông H yêu cầu chia thêm cho ông một kỹ phần thừa kế với lý do ông đang thờ cúng bà T2 là không có căn cứ.

[3.3]. Từ phân tích nêu trên, ông H kháng cáo nhưng không có cơ sở chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đối với sơ đồ vị trí các phần đất được chia sẽ căn cứ theo kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm ngày 19/01/2026.

[4]. Đối với chi phí đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp và quyết toán xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thế H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thế H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu 300.000 đồng nhưng do ông H là người cao tuổi có yêu cầu được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí phúc thẩm cho ông H. Ông H không có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên không phải hoàn lại.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649 và Điều 650, Điều 651 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **- Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thế H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 11/07/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đồng Tháp

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S;

1.1.1. Hủy văn bản khai nhận thừa kế của ông Nguyễn Thế H được Văn phòng C2, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/8/2022.

1.1.2. Xác định thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.078m<sup>2</sup> và Thửa số 714, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.417,9m<sup>2</sup> tại (ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang) nay là ấp H, xã Cái bè, tỉnh Đồng Tháp là di sản bà Nguyễn Ánh T2.

1.1.3. Buộc ông Nguyễn Thế H chia cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S mỗi người số tiền là 41.621.120 đồng ( giá trị thành tiền thửa đất số 714) và chung phần đất diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> là một phần của thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17 diện tích theo giấy được cấp 3.078m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 3.221,4m<sup>2</sup>), hiện do ông H đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CS12295, số DG 416635 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 30/8/2022.

- Phần đất diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> ông H chia cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S có tứ cận sau:

- + Hướng Đông giáp thửa đất số 453 có số đo là 13,01m;
- + Hướng Tây giáp rạch có số đo là 13,95m;
- + Hướng Nam giáp phần đất thửa 468 có số đo 128,54m + HLBV rạch 3,13m;
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thửa 467 của ông H.

*(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19.01.2026)*

- Giao cho ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S được quyền sở hữu toàn bộ số cây trồng trên phần đất được chia diện tích 1.932,84m<sup>2</sup>.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

1.1.4. Ông Nguyễn Hữu K, bà Nguyễn Thu C và bà Nguyễn Ngọc S được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chung phần đất được chia diện tích 1.932,84m<sup>2</sup> (là một phần của thửa đất số 467, tờ bản đồ số 17, diện tích theo giấy được cấp 3.078m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế 3.221,4m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp GCN:CS12295, số DG 416635 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 30/8/2022 cho ông H).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thế H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 09 giờ 55 phút, tuyên xong lúc 10 giờ 05 phút cùng ngày.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Tính**